

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 8 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Kim Thương;**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Tuyên;**

Ông **Nguyễn Văn Biên;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hồng Huệ-** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trà Linh-** Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Quang T;** địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà **Bàn Thị X;** địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Quang T trình bày: Anh **Trần Quang T** và chị **Bàn Thị X** đăng ký kết hôn ngày 10/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Năm 2020, chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó cho đến nay chị X ít khi liên lạc với anh T. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng anh T có 02 con chung là cháu **Trần Quang N,** sinh ngày 17/3/2017 và cháu **Trần Quang Đ,** sinh ngày 22/12/2012, hiện các con

chung đang ở với anh T. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bàn Thị X không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh T.

Chị Bàn Thị X có bố mẹ ông Bàn Văn K và bà Bàn Thị S; hiện đang cư trú tại địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên Tòa án đã tiến hành ủy thác Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 28/6/2024, ông Bàn Văn K và bà Bàn Thị S là bố, mẹ đẻ của chị X trình bày: Hiện chị X đang xuất khẩu lao động tại nước ngoài, gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị X, chỉ liên lạc bằng mạng xã hội, ông K, bà S cam đoan sẽ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị X và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho chị X được biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nên đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Anh Trần Quang T được ly hôn chị Bàn Thị X.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Quang N, sinh ngày 17/3/2017 và cháu Trần Quang Đ, sinh ngày 22/12/2012 cho anh Trần Quang Trung trực T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị X không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh Trần Quang T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Quang T yêu cầu ly hôn với chị Bàn Thị X khi chị X đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, anh T

và gia đình chị X không cung cấp được địa chỉ của chị X tại Đài Loan, nhưng phía gia đình của chị X vẫn thường xuyên liên lạc với chị X qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội. Bố, mẹ của chị X nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo cho chị X nhưng chị X không cung cấp địa chỉ, không trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của anh T nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Quang T và chị Bàn Thị X trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh T làm đơn ly hôn, các văn bản tố tụng của Tòa án đã gửi cho gia đình bị đơn nhưng chị X không liên lạc với anh T để bàn bạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện và mâu thuẫn giữa anh T và chị X không thể hàn gắn được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị X.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị X có 02 con chung là cháu Trần Đăng N1, sinh ngày 22/12/2012 và cháu Trần Quang N, sinh ngày 17/3/2017. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và các cháu cũng mong muốn được ở với bố. Thấy rằng, hiện chị X đang ở nước ngoài, các cháu đang ở với anh T nên nguyện vọng của anh T được tiếp tục nuôi các cháu là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T.

Anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Trần Quang T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang T được ly hôn chị Bàn Thị X.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quang Đ, sinh ngày 22/12/2012 và cháu Trần Quang N, sinh ngày 17/3/2017 cho anh Trần Quang Trung trực T1 nuôi dưỡng, chị Bàn Thị X không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bàn Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở chị X thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000083 ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Trần Quang T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Kim Thương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTri;
- Cục THADS tỉnh QTri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Trung Sơn, huyện Gio Linh;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Kim Thương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Trung Sơn;
- Lưu:Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Kim Thương

